

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022*  
*đã được soát xét*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét</b>	<b>5 – 45</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 – 45

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 8 năm 2012. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi.

Hoạt động chính của Công ty và các Công ty con trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản trong và ngoài nước (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Mỹ	Ủy viên
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ	Ủy viên

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Ngọc Mỹ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm tại ngày 08/8/2022
Ông Nguyễn Minh Nhật	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm tại ngày 23/6/2022
		Miễn nhiệm tại ngày 08/8/2022
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm tại ngày 23/6/2022
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Kế toán trưởng	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2022

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Mỹ**

Số : 229/2022/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 của các Công ty liên kết gồm Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam và Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam chưa được soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập. Nếu như báo cáo tài chính của các Công ty liên kết nêu trên được soát xét thì có thể có vấn đề cần phải điều chỉnh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam.

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**  
Giám đốc



**Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2018-152-1

### Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880  
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

### Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281  
Email: info@namviet.hn.vn / Web: www.aascn.com.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.470.062.941.032</b>	<b>3.036.028.435.246</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>29.490.726.758</b>	<b>44.086.642.657</b>
1.	Tiền	111		29.490.726.758	44.086.642.657
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>44.410.740.000</b>	<b>38.650.740.000</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.02b	38.650.740.000	38.650.740.000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02a	5.760.000.000	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.803.264.292.476</b>	<b>1.967.655.984.834</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	2.150.542.275.467	1.287.749.141.453
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	625.315.623.373	680.663.651.125
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	46.100.482.621	18.710.531.312
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(18.694.088.985)	(19.467.339.056)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>1.394.725.895.837</b>	<b>797.841.190.520</b>
1.	Hàng tồn kho	141		1.394.725.895.837	799.323.232.132
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(1.482.041.612)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>198.171.285.961</b>	<b>187.793.877.235</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	1.797.029.904	1.742.376.866
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		192.330.989.818	184.202.777.317
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	3.280.619.542	1.848.723.052
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		762.646.697	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.836.833.490.089</b>	<b>5.381.266.011.462</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.867.731.682.464</b>	<b>1.891.381.682.464</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	3.486.938.393	3.486.938.393
5.	Trả trước cho người bán dài hạn	215	V.04	1.863.573.568.416	1.887.223.568.416
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.06	671.175.655	671.175.655
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.725.953.859</b>	<b>31.807.901.133</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	20.840.683.668	23.138.081.897
	- Nguyên giá	222		74.775.236.862	74.712.027.771
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(53.934.553.194)	(51.573.945.874)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	7.373.088.911	7.971.883.913
	- Nguyên giá	225		9.580.720.000	9.580.720.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(2.207.631.089)	(1.608.836.087)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	512.181.280	697.935.323
	- Nguyên giá	228		2.954.600.851	2.954.600.851
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.442.419.571)	(2.256.665.528)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>10.484.193.322</b>	<b>10.793.414.338</b>
1.	Nguyên giá	231		19.250.328.844	19.250.328.844
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(8.766.135.522)	(8.456.914.506)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>2.276.728.453.046</b>	<b>2.778.417.580.328</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.276.728.453.046	2.778.417.580.328
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>540.646.683.943</b>	<b>539.645.597.570</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.02c	537.826.683.943	537.625.597.570
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.02d	2.820.244.536	2.020.244.536
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(244.536)	(244.536)
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>112.516.523.455</b>	<b>129.219.835.629</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13b	103.813.053.961	120.234.863.364
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	8.703.469.494	8.984.972.265
6.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>9.306.896.431.121</b>	<b>8.417.294.446.708</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.770.339.218.938</b>	<b>5.893.729.057.166</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.038.980.482.797</b>	<b>2.152.851.810.056</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	1.177.157.560.949	720.044.049.952
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	576.265.872.933	217.701.369.835
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	5.080.704.145	7.151.514.153
4.	Phải trả người lao động	314		4.734.290.482	6.353.871.877
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	179.090.931.023	261.744.925.816
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	8.266.448.084	9.515.611.021
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	108.979.865.354	15.906.323.168
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	978.123.936.001	911.988.374.594
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	561.084.714	1.725.980.528
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		719.789.112	719.789.112
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.731.358.736.141</b>	<b>3.740.877.247.110</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.15	1.044.728.378.586	699.494.184.833
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.16	1.385.904.233.710	1.994.483.890.200
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	2.465.022.434	2.531.453.411
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.19	5.411.686.727	13.224.188.007
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	1.291.614.843.857	1.031.143.530.659
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.234.570.827	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.536.557.212.183</b>	<b>2.523.565.389.542</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.23</b>	<b>2.536.557.212.183</b>	<b>2.523.565.389.542</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		74.155.820.000	74.155.820.000
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.200.100.000	7.200.100.000
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		6.446.078.861	6.252.632.183
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.432.782.917	6.432.782.917
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		167.582.520.105	145.562.157.521
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		166.537.751.689	117.885.14.006
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.044.768.416	27.677.015.515
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		349.895.780.300	359.117.766.921
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>9.306.896.431.121</b>	<b>8.417.294.446.708</b>

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Tươi

Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Ngọc Mỹ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	VI.01	3.027.010.496.198	1.558.609.537.080
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	1.178.545
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		3.027.010.496.198	1.558.608.358.535
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	2.904.420.834.386	1.495.033.566.755
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		122.589.661.812	63.574.791.780
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	3.540.411.115	2.080.121.573
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	60.523.112.199	33.237.121.429
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		60.460.219.561	33.743.418.579
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VI.06	(3.298.913.627)	(1.770.264.675)
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	29.593.995.718	4.087.757.856
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	29.269.856.804	18.292.068.319
11.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		3.444.194.579	8.267.701.074
12.	Thu nhập khác	31	VI.08	4.045.232.906	4.459.957.166
13.	Chi phí khác	32	VI.09	75.594.510	3.435.310.082
14.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		3.969.638.396	1.024.647.084
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		7.413.832.975	9.292.348.158
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	3.884.507.565	723.948.686
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	281.502.771	281.502.771
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		3.247.822.639	8.286.896.701
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.044.768.416	7.558.318.975
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.203.054.223	728.577.726
21.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	VI.12	114	41
22.	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	71	VI.13	114	41

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trưởng Giám đốc





Lê Thị Tươi

Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Ngọc Mỹ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		7.413.832.975	9.292.348.158
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định, BĐSĐT và lợi thế thương mại	02		3.454.377.381	3.185.818.978
-	Các khoản dự phòng	03		(2.185.616.670)	743.168.927
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.775.382	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.540.713.884)	(890.081.613)
-	Chi phí lãi vay	06		60.460.219.561	33.743.418.579
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		67.616.874.745	46.074.673.029
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(939.089.798.814)	(913.577.934.106)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.034.128.415	216.480.817.236
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		1.149.611.852.614	522.375.154.323
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		16.332.310.817	(2.445.065.593)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	20.000.000.000
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(59.378.160.679)	(33.898.906.283)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.896.012.985)	(6.349.833.296)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.060.294.231	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		240.291.488.344	(151.341.094.690)
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(584.493.370.851)	(240.930.463.852)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.760.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.300.000.000)	(850.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.300.000.000	242.485.359.720
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.526.238.010	2.540.629.980
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(589.727.132.841)	3.245.525.848

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		10.000.000.000	41.029.400.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		2.734.362.703.597	691.102.307.476
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.408.791.286.451)	(600.896.385.336)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(731.657.166)	(454.777.964)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>334.839.759.980</b>	<b>130.780.544.176</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(14.595.884.517)</b>	<b>(17.315.024.666)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>44.086.642.657</b>	<b>40.021.016.703</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(31.382)	(205.386)
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>29.490.726.758</b>	<b>22.705.786.651</b>

Người lập biểu



Lê Thị Tươi

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vân Anh

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Mỹ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty và các Công ty con trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản trong và ngoài nước (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất).

**04. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các công ty con được hợp nhất bao gồm:

STT	Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ (%)	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
				Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
<i>Các công ty đầu tư trực tiếp</i>					
1	Công ty Cổ phần Alphanam E&C	79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	83,01	83,01	60,00
2	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	58 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	92,72	92,72	92,72

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

STT	Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ (%)	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
				Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
<i>Các công ty đầu tư trực tiếp</i>					
3	Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	82,75	82,75	82,75
4	Công ty Cổ phần Đô thị Hanel – Alphanam	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	100,00	80,00	80,00
5	Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	Số 58 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	86,98	90,00	90,00
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa	Số 79 đường Violet, Thị trấn Sa Pa, Huyện Sa Pa, Lào Cai	91,10	91,10	91,10
7	Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	76 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	87,31	90,00	90,00
<i>Các Công ty đầu tư gián tiếp</i>					
1	Công ty Cổ phần Foodinco Tây Nguyên	Số 161 Quốc lộ 1A, thôn Như Xuân, xã Vĩnh Phương, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	67,90	82,06	82,06

**- Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối kỳ (%)	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	35,00	35,00	35,00
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	Số nhà 35 Nguyễn Văn Cừ, khu phố Phú Tân, Phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước	100,00	40,00	40,00
Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam	Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, P.Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội	26,10	26,10	26,10
Công ty Cổ phần Sao đỏ Tây Nguyên	Số 583 Võ Văn Kiệt, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai	20,00	20,00	20,00

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và áp dụng thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **02. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng/giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### ***Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

#### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

### **03. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 15 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05 năm
- Phần mềm	08 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

##### *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

##### *Khấu hao*

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao.

Khấu hao nhà cửa được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư là 50 năm.

#### **07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **08. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại không được ghi nhận cho nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh các công ty dưới sự kiểm soát chung, là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty tham gia hợp nhất chịu sự kiểm soát lâu dài bởi cùng một bên hoặc nhiều bên kể cả trước hoặc sau khi hợp nhất kinh doanh và việc kiểm soát là lâu dài. Chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần được ghi nhận vào các chỉ tiêu tương ứng thuộc Vốn chủ sở hữu.

#### **09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

##### ***Dự phòng bảo hành công trình xây dựng***

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, xây lắp, bất động sản và dịch vụ đã bán và cung cấp trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí liên quan đến khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 19. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

#### a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chi tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

#### b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

##### Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### c. Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ:

Các khoản thu nhập khác, chi phí khác, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, giá trị ghi sổ của TSCĐ (nguyên giá, hao mòn lũy kế) phải được điều chỉnh lại như thể không phát sinh giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

### 01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền	29.490.726.758	44.086.642.657
+ Tiền mặt	466.366.103	165.454.337
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.024.360.655	43.921.188.320
+ Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>29.490.726.758</b>	<b>44.086.642.657</b>

### 02. Các khoản đầu tư tài chính

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.760.000.000</b>	<b>5.760.000.000</b>	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.760.000.000	5.760.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.760.000.000</b>	<b>5.760.000.000</b>	-	-

(\*) Là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền là 5.760.000.000, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 5,0% đến 6,7%/ năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Tổng giá trị cổ phiếu	38.650.740.000	-	38.650.740.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	38.650.740.000	(*)	38.650.740.000	(*)
<b>Cộng</b>	<b>38.650.740.000</b>	<b>-</b>	<b>38.650.740.000</b>	<b>-</b>

**c. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp nhất theo PP vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp nhất theo PP vốn chủ sở hữu
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
+ Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	110.250.000.000	110.803.190.423	110.250.000.000	114.291.693.044
+ Công ty Cổ phần WWB Alphanam	120.000.000	108.989.399	120.000.000	108.989.399
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	424.287.137.647	423.114.504.121	424.287.137.647	422.924.915.127
+ Công ty Cổ phần Sao Đỏ Tây Nguyên	3.800.000.000	3.800.000.000	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>538.457.137.647</b>	<b>537.826.683.943</b>	<b>534.957.137.647</b>	<b>537.625.597.570</b>

**d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
+ Công ty Cổ phần Sao Đỏ Tây Bắc	800.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đông á Golden Square	2.020.000.000	-	2.020.000.000	-
+ Công ty CP Xây dựng 565	244.536	(244.536)	244.536	(244.536)
<b>Cộng</b>	<b>2.820.244.536</b>	<b>(244.536)</b>	<b>2.020.244.536</b>	<b>(244.536)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

**Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:**

Đơn vị tính: VND

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Vốn góp của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư (VND)	Vốn góp theo mệnh giá của Công ty đầu tư (VND)	Hoạt động kinh doanh chính	
			Sản xuất son	Dự phòng
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	315.000.000.000	110.250.000.000	Công ty đã dừng hoạt động và đã đóng mã số thuế	(16.306.209.917)
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	120.000.000	120.000.000	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	600.000.000.000	156.600.000.000	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	(16.306.209.917)
Công ty Cổ phần Sao Đỏ Tây Nguyên	18.699.999.999	3.800.000.000		-
<b>03. Phải thu của khách hàng</b>				
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	2.150.542.275.467	(15.532.959.846)		
- Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	1.416.260.052.442	-		
- Các đối tượng khác	54.934.458.210	-		
<b>a. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	679.347.764.815	(15.532.959.846)		
- Bà Âu Thiên Hương	<b>3.486.938.393</b>	-		
<b>Cộng</b>	<b>3.486.938.393</b>	-		
	<b>2.154.029.213.860</b>	<b>(15.532.959.846)</b>		<b>(16.306.209.917)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>625.315.623.373</b>	<b>680.663.651.125</b>
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	503.668.608.488	588.514.221.377
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	121.647.014.885	92.149.429.748
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>1.863.573.568.416</b>	<b>1.887.223.568.416</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	499.600.000.000	499.600.000.000
- Công ty TNHH thương mại xây dựng và lắp đặt ZETA	469.120.000.000	475.120.000.000
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	558.003.568.416	558.003.568.416
- Trả trước cho người bán dài hạn khác	336.850.000.000	354.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.488.889.191.789</u></b>	<b><u>1.655.383.651.125</u></b>

**05. Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng phải thu khách hàng	(15.532.959.846)	(16.306.209.917)
- Dự phòng phải thu khác	(1.180.379.601)	(1.180.379.601)
- Dự phòng trả trước cho người bán	(1.980.749.538)	(1.980.749.538)
<b>Cộng</b>	<b><u>(18.694.088.985)</u></b>	<b><u>(19.467.339.056)</u></b>

11/11/2018

NTN  
V  
E  
M  
1  
2



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>06. Phải thu khác</b>				
<i>a. Ngắn hạn</i>	<b>46.100.482.621</b>	<b>(1.180.379.601)</b>	<b>18.710.531.312</b>	<b>(1.180.379.601)</b>
- Phải thu của người lao động	-	-	-	-
- Tạm ứng	12.348.233.721	-	1.141.507.817	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	26.022.334.725	-	8.819.452.797	-
- Phải thu khác	7.729.914.175	(1.180.379.601)	8.749.570.698	(1.180.379.601)
+ <i>Lãi dự thu</i>	13.656.000	-	76.628.499	-
+ <i>Khoản tạm nộp thuế TNDN 1%</i>	1.759.134.830	-	2.608.841.488	-
+ <i>Các khoản phải thu khác</i>	5.957.123.345	(1.180.379.601)	6.064.100.711	(1.180.379.601)
<i>b. Dài hạn</i>	<b>671.175.655</b>	-	<b>671.175.655</b>	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	671.175.655	-	671.175.655	-
<b>Cộng</b>	<b>46.771.658.276</b>	<b>(1.180.379.601)</b>	<b>19.381.706.967</b>	<b>(1.180.379.601)</b>
<b>07. Hàng tồn kho</b>				
- Nguyên liệu, vật liệu	82.573.242.201	-	79.194.122.135	-
- Công cụ, dụng cụ	253.996.811	-	113.599.900	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	515.198.413.958	-	501.687.155.886	-
- Thành phẩm	392.637.529.970	-	28.804.100.255	-
- Hàng hoá	146.602.188.754	-	189.524.253.956	(1.482.041.612)
- Hàng gửi đi bán	257.460.524.143	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.394.725.895.837</b>	-	<b>799.323.232.132</b>	<b>(1.482.041.612)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>10.455.525.934</b>	<b>29.587.733.612</b>	<b>25.325.470.167</b>	<b>8.925.386.377</b>	<b>417.911.681</b>	<b>74.712.027.771</b>
- Mua trong kỳ	-	-	-	30.909.091	32.300.000	63.209.091
- Tăng/giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.455.525.934</b>	<b>29.587.733.612</b>	<b>25.325.470.167</b>	<b>8.956.295.468</b>	<b>450.211.681</b>	<b>74.775.236.862</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>6.756.079.654</b>	<b>15.780.682.647</b>	<b>20.841.128.716</b>	<b>7.818.371.357</b>	<b>377.683.500</b>	<b>51.573.945.874</b>
- Khấu hao trong kỳ	92.486.158	1.401.848.538	618.204.348	241.055.235	7.013.041	2.360.607.320
- Tăng/giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.848.565.812</b>	<b>17.182.531.185</b>	<b>21.459.333.064</b>	<b>8.059.426.592</b>	<b>384.696.541</b>	<b>53.934.553.194</b>

**III. Giá trị còn lại**

<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>3.699.446.280</b>	<b>13.807.050.965</b>	<b>4.484.341.451</b>	<b>1.107.015.020</b>	<b>40.228.181</b>	<b>23.138.081.897</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>3.606.960.122</b>	<b>12.405.202.427</b>	<b>3.866.137.103</b>	<b>896.868.876</b>	<b>65.515.140</b>	<b>20.840.683.668</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 30.807.047.102 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 8.761.717.981 đồng và 2.306.623.119 đồng đã được thế chấp đảm bảo khoản vay của các ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	2.885.454.545	6.695.265.455	9.580.720.000
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	2.885.454.545	6.695.265.455	9.580.720.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	1.086.893.346	521.942.741	1.608.836.087
- Khấu hao trong kỳ	180.340.914	418.454.088	598.795.002
<i>Số dư cuối kỳ</i>	1.267.234.260	940.396.829	2.207.631.089
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. <i>Tại ngày đầu năm</i>	1.798.561.199	6.173.322.714	7.971.883.913
2. <i>Tại ngày cuối kỳ</i>	1.618.220.285	5.754.868.626	7.373.088.911

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Phần mềm quản lý thang máy	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	1.513.670.851	1.440.930.000	2.954.600.851
- Mua trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	1.513.670.851	1.440.930.000	2.954.600.851
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	1.090.198.356	1.166.467.172	2.256.665.528
- Khấu hao trong kỳ	82.830.469	102.923.574	185.754.043
<i>Số dư cuối kỳ</i>	1.173.028.825	1.269.390.746	2.442.419.571
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. <i>Tại ngày đầu năm</i>	423.472.495	274.462.828	697.935.323
2. <i>Tại ngày cuối kỳ</i>	340.642.026	171.539.254	512.181.280

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 647.963.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	<b>19.250.328.844</b>	-	-	<b>19.250.328.844</b>
- Quyền sử dụng đất	6.531.047.346	-	-	6.531.047.346
- Nhà	12.719.281.498	-	-	12.719.281.498
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>8.456.914.506</b>	<b>309.221.016</b>	-	<b>8.766.135.522</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.456.914.506	309.221.016	-	8.766.135.522
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	<b>10.793.414.338</b>	-	<b>(309.221.016)</b>	<b>10.484.193.322</b>
- Quyền sử dụng đất	6.531.047.346	-	-	6.531.047.346
- Nhà	4.262.366.992	-	<b>(309.221.016)</b>	3.953.145.976

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

**12. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>2.276.728.453.046</b>	<b>2.778.417.580.328</b>
- Mua sắm	1.412.080.000	1.412.080.000
- XDCB	2.267.658.831.915	2.770.178.103.827
+ Công trình 58 Bạch Đằng	1.889.021.905.887	1.527.128.558.775
+ Công trình "Công viên Văn hóa Mường Hoa"	378.636.926.028	334.119.733.595
+ Công trình Luxury Quy Nhơn	-	908.929.811.457
- Sửa chữa	7.657.541.131	6.827.396.501
<b>Cộng</b>	<b>2.276.728.453.046</b>	<b>2.778.417.580.328</b>

**13. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.797.029.904</b>	<b>1.742.376.866</b>
- Chi phí bảo hiểm	102.842.703	224.502.621
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	974.722.322	97.031.481
- Chi phí thuê văn phòng, vỉa hè	77.971.000	76.000.000
- Các khoản khác	641.493.879	1.344.842.764
<b>b. Dài hạn</b>	<b>103.813.053.961</b>	<b>120.234.863.364</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.068.092.075	1.714.843.704
- Chi phí sửa chữa	204.636.363	306.954.545
- Chi phí thuê văn phòng(*)	71.816.044.180	72.534.511.286
- Chi phí xúc tiến bán hàng	27.383.566.124	40.016.437.225
- Chi phí trả trước dài hạn khác	340.715.219	5.662.116.604
<b>Cộng</b>	<b>105.610.083.865</b>	<b>121.977.240.230</b>

(\*): Là chi phí thuê văn phòng tại tòa nhà 47 Vũ Trọng Phụng, thời hạn từ 03 năm đến 50 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
<i>a1. Vay ngắn hạn</i>	911.988.374.594	911.988.374.594	1.741.485.926.362	1.675.350.364.955	978.123.936.001	978.123.936.001
- Vay ngân hàng	911.988.374.594	911.988.374.594	1.741.485.926.362	1.675.350.364.955	978.123.936.001	978.123.936.001
+ Ngân hàng	854.934.866.844	854.934.866.844	714.486.807.584	724.601.732.047	844.819.942.381	844.819.942.381
+ Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam	214.334.712.763	214.334.712.763	212.005.641.219	223.899.226.225	202.441.127.757	202.441.127.757
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	95.302.631.422	95.302.631.422	89.969.736.989	118.852.691.711	66.419.676.700	66.419.676.700
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	7.506.278.421	7.506.278.421	12.065.034.880	7.506.278.421	12.065.034.880	12.065.034.880
+ Ngân hàng First Commercial Bank- Chi nhánh Hà Nội	22.760.000.000	22.760.000.000	35.046.000.000	22.760.000.000	35.046.000.000	35.046.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	515.031.244.238	515.031.244.238	240.987.494.496	351.583.535.690	404.435.203.044	404.435.203.044
+ Ngân hàng TMCP Bảo Việt	-	-	54.883.000.000	-	54.883.000.000	54.883.000.000
+ Ngân hàng Thương mại Sài Gòn Thương Tín	-	-	22.420.000.000	-	22.420.000.000	22.420.000.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng	-	-	47.109.900.000	-	47.109.900.000	47.109.900.000
<b>- Vay đối tượng khác</b>	<b>5.224.298.412</b>	<b>5.224.298.412</b>	<b>913.891.015.790</b>	<b>900.200.000.000</b>	<b>18.915.314.202</b>	<b>18.915.314.202</b>
+ Các tổ chức, cá nhân khác	5.224.298.412	5.224.298.412	913.891.015.790	900.200.000.000	18.915.314.202	18.915.314.202

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Nợ dài hạn đến hạn trả	51.829.209.338	51.829.209.338	113.108.102.988	50.548.632.908	114.388.679.418	114.388.679.418
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	140.142.862	140.142.862	-	-	140.142.862	140.142.862
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	49.856.000.000	49.856.000.000	109.195.433.822	49.856.000.000	109.195.433.822	109.195.433.822
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	120.078.692	120.078.692	-	90.059.016	30.019.676	30.019.676
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	507.840.000	507.840.000	-	-	507.840.000	507.840.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	-	3.293.332.000	-	3.293.332.000	3.293.332.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	-	-	141.600.000	-	141.600.000	141.600.000
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaitease	1.205.147.784	1.205.147.784	477.737.166	602.573.892	1.080.311.058	1.080.311.058
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>1.031.143.530.659</b>	<b>1.031.143.530.659</b>	<b>1.107.274.257.682</b>	<b>846.802.944.484</b>	<b>1.291.614.843.857</b>	<b>1.291.614.843.857</b>
<b>b.1. Từ 1 năm đến 5 năm</b>	<b>830.303.114.723</b>	<b>830.303.114.723</b>	<b>1.106.349.257.680</b>	<b>846.071.287.318</b>	<b>1.090.581.085.085</b>	<b>1.090.581.085.085</b>
- Vay ngân hàng	830.303.114.723	830.303.114.723	1.106.349.257.680	846.071.287.318	1.090.581.085.085	1.090.581.085.085
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	420.428.582	420.428.582	-	70.071.426	350.357.156	350.357.156
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	150.144.000.000	150.144.000.000	-	135.939.433.822	14.204.566.178	14.204.566.178
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	679.115.286.141	679.115.286.141	38.144.092.929	709.849.382.070	7.409.997.000	7.409.997.000
+ Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam	623.400.000	623.400.000	-	212.400.000	411.000.000	411.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin	-	-	1.068.205.164.751	-	1.068.205.164.751	1.068.205.164.751
<b>b.2. Trên 5 năm</b>	<b>4.524.999.269</b>	<b>4.524.999.269</b>	<b>-</b>	<b>731.657.166</b>	<b>3.793.342.103</b>	<b>3.793.342.103</b>
- Nợ thuê tài chính	4.524.999.269	4.524.999.269	-	731.657.166	3.793.342.103	3.793.342.103
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	507.840.000	507.840.000	-	253.920.000	253.920.000	253.920.000
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaitease	4.017.159.269	4.017.159.269	-	477.737.166	3.539.422.103	3.539.422.103

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c. Trái phiếu thường	196.315.416.667	196.315.416.667	925.000.002	-	197.240.416.669	197.240.416.669
+ Loại phát hành theo mệnh giá	196.315.416.667	196.315.416.667	925.000.002	-	197.240.416.669	197.240.416.669
<b>Cộng</b>	<b>1.943.131.905.253</b>	<b>1.943.131.905.253</b>	<b>2.848.760.184.044</b>	<b>2.522.153.309.439</b>	<b>2.269.738.779.858</b>	<b>2.269.738.779.858</b>

**15. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.177.157.560.949</b>	<b>1.177.157.560.949</b>	<b>720.044.049.952</b>	<b>720.044.049.952</b>
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	63.901.796.767	63.901.796.767	15.981.793.495	15.981.793.495
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	221.336.365.563	221.336.365.563	51.368.775.949	51.368.775.949
- Công ty Cổ phần kỹ thuật SIGMA	68.686.035.801	68.686.035.801	99.335.400.801	99.335.400.801
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	823.233.362.818	823.233.362.818	553.358.079.707	553.358.079.707
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>1.044.728.378.586</b>	<b>1.044.728.378.586</b>	<b>699.494.184.833</b>	<b>699.494.184.833</b>
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	1.044.728.378.586	1.044.728.378.586	693.026.080.578	693.026.080.578
- Công ty Cổ phần Zeta EC	-	-	6.468.104.255	6.468.104.255
<b>Cộng</b>	<b>2.221.885.939.535</b>	<b>2.221.885.939.535</b>	<b>1.419.538.234.785</b>	<b>1.419.538.234.785</b>

**Trong đó:**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	17.456.359.860	17.456.359.860	17.456.359.860	17.456.359.860
<b>Cộng</b>	<b>17.456.359.860</b>	<b>17.456.359.860</b>	<b>17.456.359.860</b>	<b>17.456.359.860</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**16. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>576.265.872.933</b>	<b>217.701.369.835</b>
- Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	78.408.155.155	10.605.043.405
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản Hoa Anh Đào	73.743.909.957	-
- Công ty Cổ phần Virex	28.655.892.433	30.616.535.427
- Công ty TNHH MTV GAMA	94.512.762.518	130.000.000.000
- Khách hàng mua nhà tại Dự án Luxury Quy Nhơn	154.074.372.505	227.187.965
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	8.344.156.215	26.417.839.928
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	138.526.624.150	19.834.763.110
<b>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>1.385.904.233.710</b>	<b>1.994.483.890.200</b>
- Khách hàng mua nhà tại Dự án Luxury Quy Nhơn	-	267.943.378.162
- Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	473.780.000.000	562.465.000.000
- Công ty Cổ phần Zeta EC	474.944.233.774	500.144.233.774
- Công ty cổ phần Delta Việt Nam	261.100.000.000	278.163.913.300
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	176.079.999.936	385.767.364.964
<b>Cộng</b>	<b>1.962.170.106.643</b>	<b>2.212.185.260.035</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tăng, giảm khác trong kỳ <sup>(*)</sup>	Số tiền phải thu cuối kỳ	Số tiền phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu ra	-	755.336.161	3.607.691.584	4.403.027.747	-	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.333.059.812	2.333.059.812	-	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	221.561.636	221.561.636	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.725.633.482	5.719.293.560	3.884.507.565	6.896.012.985	(849.707.558)	3.157.529.970	3.289.977.070
- Thuế thu nhập cá nhân	-	423.961.041	2.474.931.030	1.108.164.996	-	-	1.790.727.075
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	123.089.570	212.923.391	671.261.384	884.184.775	-	123.089.570	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	462.331.709	462.331.709	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.848.723.052</b>	<b>7.151.514.153</b>	<b>13.655.344.720</b>	<b>16.308.343.660</b>	<b>(849.707.558)</b>	<b>3.280.619.542</b>	<b>5.080.704.145</b>

(\*) : Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm khác trong kỳ là phần thuế bù trừ giữa thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN tạm tính 1%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**18. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>179.090.931.023</b>	<b>261.744.925.816</b>
- Chi phí lãi vay	8.229.245.993	3.117.592.141
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	3.700.000.000
- Lãi trái phiếu	113.995.993	-
- Chi phí bảo hành thang máy	-	2.773.679.594
- Trích trước chi phí công trình	165.808.153.269	247.467.173.038
- Các khoản trích trước khác	4.939.535.768	4.686.481.043
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>179.090.931.023</b>	<b>261.744.925.816</b>

**19. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>108.979.865.354</b>	<b>15.906.323.168</b>
- Kinh phí công đoàn	3.021.101.144	3.326.740.305
- Bảo hiểm xã hội	357.832.770	239.682.988
- Bảo hiểm y tế	63.758.199	42.478.143
- Bảo hiểm thất nghiệp	14.496.626	9.284.190
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	893.000.000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	756.876.000	500.876.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	104.762.800.615	10.894.261.542
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh <sup>(*)</sup>	16.209.917.500	-
+ Bà Nguyễn Ngọc Mỹ <sup>(*)</sup>	37.464.920.800	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN - BIDV CN Ngọc Khánh (LC)	20.301.536.875	-
+ Ông Nguyễn Anh Quân	2.251.588.888	-
+ Ông Nguyễn Minh Nhật <sup>(*)</sup>	15.686.920.800	-
+ Các đối tượng khác	12.847.915.752	10.894.261.542
<b>b. Dài hạn</b>	<b>5.411.686.727</b>	<b>13.224.188.007</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.411.686.727	5.473.188.007
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	7.751.000.000
+ Bà Nguyễn Ngọc Mỹ <sup>(*)</sup>	-	7.751.000.000
<b>Cộng</b>	<b>114.391.552.081</b>	<b>29.130.511.175</b>

(\*) Các khoản phải trả khác là khoản tiền tiền góp vốn những chưa hoàn thiện thủ tục tăng vốn.

**20. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>8.266.448.084</b>	<b>9.515.611.021</b>
- Doanh thu nhận trước về cho thuê văn phòng, nhà xưởng	172.727.273	909.810.112
- Doanh thu nhận trước về bảo trì thang máy ngắn hạn	257.044.120	349.120.907
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	7.836.676.691	8.256.680.002
<b>b. Dài hạn</b>	<b>2.465.022.434</b>	<b>2.531.453.411</b>
- Doanh thu nhận trước về bảo trì thang máy dài hạn	245.454.545	245.454.545
- Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng nhận trước	2.219.567.889	2.285.998.866
<b>Cộng</b>	<b>10.731.470.518</b>	<b>12.047.064.432</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**21. Dự phòng phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>561.084.714</b>	<b>1.725.980.528</b>
- Dự phòng bảo hành thang máy	561.084.714	1.174.677.579
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	551.302.949
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.234.570.827</b>	<b>-</b>
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.234.570.827	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.795.655.541</u></b>	<b><u>1.725.980.528</u></b>

**22. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	8.703.469.494	8.984.972.265
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b><u>8.703.469.494</u></b>	<b><u>8.984.972.265</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**23. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.924.844.130.000	74.155.820.000	7.200.100.000	6.252.632.183	6.432.782.917	116.651.048.838	296.711.690.994	2.432.248.204.932
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	54.359.400.000	54.359.400.000
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-	27.677.015.515	8.869.656.319	36.546.671.834
Tăng do mua thêm công ty con và tăng, giảm khác	-	-	-	-	-	1.234.093.168	(822.980.392)	411.112.776
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.924.844.130.000</b>	<b>74.155.820.000</b>	<b>7.200.100.000</b>	<b>6.252.632.183</b>	<b>6.432.782.917</b>	<b>145.562.157.521</b>	<b>359.117.766.921</b>	<b>2.523.565.389.542</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	-	1.044.768.416	2.203.054.223	3.247.822.639
Tăng do mua thêm cổ phiếu của AME	-	-	-	193.446.678	-	21.212.955.895	(21.406.402.573)	-
Tăng, giảm khác	-	-	-	-	-	(237.361.727)	(18.638.271)	(255.999.998)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.924.844.130.000</b>	<b>74.155.820.000</b>	<b>7.200.100.000</b>	<b>6.446.078.861</b>	<b>6.432.782.917</b>	<b>167.582.520.105</b>	<b>349.895.780.300</b>	<b>2.536.557.212.183</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ %	Số đầu năm	Tỷ lệ %
- Vốn góp của các chủ sở hữu	1.924.844.130.000	100	1.924.844.130.000	100
<b>Cộng</b>	<b>1.924.844.130.000</b>	<b>100</b>	<b>1.924.844.130.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.484.413	192.484.413
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	192.484.413	192.484.413
+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413	192.484.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.484.413	192.484.413
+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413	192.484.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	326,35	535,68
- EUR	259,77	237,00
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	54.865.768.232	54.865.768.232

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Doanh thu bán hàng hóa	2.300.571.352.053	1.127.540.697.772
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	324.428.506.828	421.242.828.597
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	381.302.690.619	9.616.472.029
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	20.506.558.394	167.650.000
- Doanh thu khác	201.388.304	41.888.682
<b>Cộng</b>	<b>3.027.010.496.198</b>	<b>1.558.609.537.080</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Chiết khấu thương mại	-	1.178.545
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.178.545</b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.289.548.726.929	1.102.750.947.290
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	262.159.920.043	387.492.668.353
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	334.267.212.475	4.789.951.112
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	19.893.289.324	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.482.041.612)	-
- Giá vốn khác	33.727.227	-
<b>Cộng</b>	<b>2.904.420.834.386</b>	<b>1.495.033.566.755</b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	39.627.511	28.300.801
- Cổ tức lợi nhuận được chia	3.500.000.000	-
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	2.002.119.183
- Lãi chênh lệch tỷ giá	783.604	49.701.589
<b>Cộng</b>	<b>3.540.411.115</b>	<b>2.080.121.573</b>

**05. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Lãi tiền vay	60.460.219.561	33.743.418.579
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	62.861.256	69.644.684
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(629.926.304)
- Chi phí tài chính khác	31.382	53.984.470
<b>Cộng</b>	<b>60.523.112.199</b>	<b>33.237.121.429</b>

**06. Lãi lỗ từ Công ty liên kết**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Lãi lỗ từ Công ty TNHH Kansai Alphanam	(3.488.502.621)	(1.770.264.675)
- Lãi lỗ từ Công ty Cổ phần WWB Alphanam	-	-
- Lãi lỗ từ Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	189.588.994	-
<b>Cộng</b>	<b>(3.298.913.627)</b>	<b>(1.770.264.675)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</b>
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>29.269.856.804</b>	<b>18.292.068.319</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	14.688.631.018	9.154.438.994
- Chi phí vật liệu quản lý	520.032.399	743.672.603
- Chi phí đồ dùng văn phòng	54.918.222	10.149.247
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.151.874.755	667.961.212
- Thuế, phí và lệ phí	472.993.163	17.616.480
- Chi phí dự phòng	(773.250.071)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.983.902.789	3.810.263.686
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.170.754.529	3.887.966.097
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>29.593.995.718</b>	<b>4.087.757.856</b>
- Chi phí nhân viên	1.291.711.865	2.080.505.551
- Chi phí môi giới, quảng cáo, tiếp thị	27.313.759.089	-
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	22.326.245	58.654.727
- Chi phí khấu hao TSCĐ	209.489.676	231.218.011
- Chi phí bảo hành sản phẩm	143.771.194	410.956.909
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	515.305.761	1.284.242.110
- Chi phí bằng tiền khác	97.631.888	22.180.548
<b>Cộng</b>	<b>58.863.852.522</b>	<b>22.379.826.175</b>

**08. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</b>
- Tiền thưởng, hỗ trợ	22.633.861	58.412.460
- Hoàn nhập các khoản trích trước về chi phí bảo hành công trình	755.556.479	9.687.258
- Chuyển nhượng quyền thuê căn hộ	-	3.175.883.183
- Xử lý công nợ không phải trả	2.434.920.196	-
- Tiền phạt thu được	702.445.154	1.177.799.115
- Các khoản khác	129.677.216	38.175.150
<b>Cộng</b>	<b>4.045.232.906</b>	<b>4.459.957.166</b>

**09. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</b>
- Phí chuyển nhượng quyền thuê căn hộ	-	3.152.346.769
- Phí dịch vụ môi giới	-	120.000.000
- Các khoản bị phạt khác	13.174.981	162.760.396
- Chi phí lãi vay	56.656.849	-
- Các khoản khác	5.762.680	202.917
<b>Cộng</b>	<b>75.594.510</b>	<b>3.435.310.082</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.884.507.565	723.948.686
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.884.507.565</b>	<b>723.948.686</b>

**11. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</b>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	281.502.771	281.502.771
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>281.502.771</b>	<b>281.502.771</b>

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.044.768.416	7.545.579.003
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	20.975.594.167	281.113.024
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.020.362.583	7.826.692.027
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	192.484.413	192.484.413
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>114</b>	<b>41</b>

**13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.044.768.416	7.545.579.003
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	20.975.594.167	281.113.024
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.020.362.583	7.826.692.027
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	192.484.413	192.484.413
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>114</b>	<b>41</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.167.312.397	143.324.008.332
- Chi phí nhân công	29.054.550.577	36.689.776.277
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.443.677.389	3.184.570.646
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.502.476.773	154.813.848.284
- Chi phí khác bằng tiền	369.794.058.596	9.227.795.666
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(773.250.071)	-
<b>Cộng</b>	<b>524.188.825.661</b>	<b>347.239.999.205</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ.**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</b>
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang hàng tồn kho	947.426.085.001	-

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**02. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</b>
<b>Ông Nguyễn Tuấn Hải – Chủ tịch HĐQT</b>		
+ Nhận đặt cọc và trả tiền đặt cọc	88.393.000.000	-
<b>Bà Nguyễn Ngọc Mỹ - Tổng Giám đốc kiêm ủy viên HĐQT</b>		
+ Góp vốn vào Công ty con nhưng chưa hoàn tất thủ tục tăng vốn	29.713.920.800	550.000.000
+ Góp vốn vào Công ty con và đã hoàn thiện thủ tục tăng vốn	-	26.660.000.000
<b>Bà Đỗ Thị Minh Anh- Phó Tổng Giám đốc</b>		
+ Góp vốn vào Công ty con chưa làm thủ tục tăng vốn	16.209.917.500	-
+ Góp vốn vào Công ty con và đã làm thủ tục tăng vốn	-	6.950.000.000
<b>Ông Nguyễn Minh Nhật- Ủy viên HĐQT</b>		
+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Alphanam E&C	10.000.000.000	11.969.400.000
+ Nhận đặt cọc và trả tiền đặt cọc	46.083.000.000	-
+ Góp vốn vào Công ty con nhưng chưa làm thủ tục tăng vốn	15.686.920.800	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<b>69.361.759.100</b>	<b>7.751.000.000</b>
Bà Đỗ Thị Minh Anh- Phó Tổng Giám đốc(*)	16.209.917.500	7.751.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ - Tổng Giám đốc kiêm ủy viên HĐQT(*)	37.464.920.800	-
Ông Nguyễn Minh Nhật- Ủy viên(*)	15.686.920.800	-
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>260.770.000</b>	
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh- Phó Giám đốc	260.770.000	260.770.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>69.622.529.100</b>	<b>8.011.770.000</b>

Đơn vị tính: VND

(\*): Các khoản phải trả khác là khoản tiền tiền góp vốn những chưa hoàn thiện thủ tục tăng vốn.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</u>	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</u>
Tiền lương	1.958.300.000	1.562.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.958.300.000</b>	<b>1.562.500.000</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
+ Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	Công ty liên kết
+ Công ty Cổ phần WWB Alphanam	Công ty liên kết
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	Công ty liên kết
+ Công ty Cổ phần Sao Đỏ Tây Nguyên	Công ty liên kết
+ Công ty Cổ phần Đông á Golden Square	Khoản đầu tư khác
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Công ty là cổ đông chiếm 47,16% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	<b>17.456.359.860</b>	<b>17.456.359.860</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	17.456.359.860	17.456.359.860
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>17.456.359.860</b>	<b>17.456.359.860</b>

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty và công ty con có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất và lắp đặt thang máy;
- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa các loại;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- Lĩnh vực xây dựng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Thương mại	Sản xuất	Dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Xây dựng	Cộng
<b>Từ ngày 01/01/2022 đến 30/6/2022</b>						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.300.772.740.357	-	324.428.506.828	381.302.690.619	20.506.558.394	3.027.010.496.198
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	2.378.660.601.711 (77.887.861.354)	-	274.929.676.236 49.498.830.592	349.275.580.397 32.027.110.222	20.700.443.275 (193.884.881)	3.023.566.301.619 3.444.194.579
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.826.051.490	-	257.488.777	583.934.945.170	16.275.415	586.034.760.852
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	24.607.170.547	-	3.469.820.143	4.078.099.577	219.321.261	32.374.411.528
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.220.348.088.985	475.464.768.982	538.128.666.285	2.909.194.170.562	549.212.585.604	8.692.348.280.418
<b>Số dư tại ngày 30/6/2022</b>	<b>4.220.348.088.985</b>	<b>475.464.768.982</b>	<b>538.128.666.285</b>	<b>2.909.194.170.562</b>	<b>549.212.585.604</b>	<b>9.306.896.431.121</b>
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.145.458.156.256	-	725.553.322.716	852.746.994.535	45.860.956.319	6.769.619.429.826
- Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	719.789.112
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.145.458.156.256</b>	<b>-</b>	<b>725.553.322.716</b>	<b>852.746.994.535</b>	<b>45.860.956.319</b>	<b>6.770.339.218.938</b>
- Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-	-	-
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Thương mại	Sản xuất	Dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Xây dựng	Cộng
<b>Từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021</b>						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.127.581.407.909	-	421.242.828.597	9.616.472.029	167.650.000	1.558.608.358.535
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	1.142.763.081.746	-	402.440.435.830	5.131.190.839	5.949.047	1.550.340.657.462
- Lợi nhuận từ hoạt động KD (15.181.673.837)			18.802.392.767	4.485.281.190	161.700.953	8.267.701.073
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.558.582.507	-	955.837.445	238.281.922.578	380.414	241.796.722.944
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	26.824.394.818	-	10.021.080.402	228.769.329	3.988.279	37.078.232.828
<b>Số dư tại ngày 30/6/2021</b>						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.339.505.740.524	100.333.756.706	842.156.914.672	2.355.500.564.426	508.606.751.305	6.146.103.727.633
- Tài sản không phân bổ						600.100.323.192
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.339.505.740.524</b>	<b>100.333.756.706</b>	<b>842.156.914.672</b>	<b>2.355.500.564.426</b>	<b>508.606.751.305</b>	<b>6.746.204.050.825</b>
- Nợ phải trả bộ phận	3.084.565.039.462	-	1.152.334.450.622	26.306.422.947	458.616.403	4.263.664.529.434
- Nợ phải trả không phân bổ						719.789.112
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>3.084.565.039.462</b>	<b>-</b>	<b>1.152.334.450.622</b>	<b>26.306.422.947</b>	<b>458.616.403</b>	<b>4.264.384.318.546</b>

**Khu vực địa lý:** Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.490.726.758	-	44.086.642.657	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.161.759.128.035	(16.713.339.447)	1.299.985.650.544	(12.934.618.602)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.410.740.000	-	38.650.740.000	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	2.820.244.536	(244.536)	2.020.244.536	(244.536)	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>2.238.480.839.329</b>	<b>(16.713.583.983)</b>	<b>1.384.743.277.737</b>	<b>(12.934.863.138)</b>		

**Giá trị sổ sách**

Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2.221.885.939.535	1.419.538.234.785	(*)	(*)
2.269.738.779.858	1.943.131.905.253	(*)	(*)
179.090.931.023	261.744.925.816	(*)	(*)
104.762.800.615	18.645.261.542	(*)	(*)
<b>4.775.478.451.031</b>	<b>3.643.060.327.396</b>		

**Nợ phải trả tài chính**

Phải trả cho người bán	2.221.885.939.535	1.419.538.234.785	(*)
Vay và nợ	2.269.738.779.858	1.943.131.905.253	(*)
Chi phí phải trả	179.090.931.023	261.744.925.816	(*)
Các khoản phải trả khác	104.762.800.615	18.645.261.542	(*)
<b>Cộng</b>	<b>4.775.478.451.031</b>	<b>3.643.060.327.396</b>	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	1.177.157.560.949	1.044.728.378.586	-	2.221.885.939.535
Vay và nợ	978.123.936.001	1.287.821.501.754	3.793.342.103	2.269.738.779.858
Chi phí phải trả	179.090.931.023	-	-	179.090.931.023
Các khoản phải trả khác	104.762.800.615	-	-	104.762.800.615
<b>Cộng</b>	<b>2.439.135.228.588</b>	<b>2.332.549.880.340</b>	<b>3.793.342.103</b>	<b>4.775.478.451.031</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	720.044.049.952	699.494.184.833	-	1.419.538.234.785
Vay và nợ	911.988.374.594	830.303.114.723	4.524.999.269	1.746.816.488.586
Chi phí phải trả	261.744.925.816	-	-	261.744.925.816
Các khoản phải trả khác	10.894.261.542	7.751.000.000	-	18.645.261.542
<b>Cộng</b>	<b>1.904.671.611.904</b>	<b>1.537.548.299.556</b>	<b>4.524.999.269</b>	<b>3.446.744.910.729</b>

### 07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## **08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc và số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 của công ty chưa được soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

## **09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Lê Thị Tươi

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vân Anh

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Mỹ

